TÒA ÁN NHÂN DÂN **HUYỆN GIỒNG RIỀNG** **TỈNH KIÊN GIANG**	**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** **Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: 121/2023/HNGĐ-ST
Ngày: 15 - 3 - 2022
V/v: "*Tranh chấp hôn nhân và gia đình - ly hôn, nuôi con*"

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN GIỒNG RIỀNG, TỈNH KIÊN GIANG

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Ông Dương Văn Hôm

Các Hội thẩm nhân dân:

1. Ông Nguyễn Văn Mẫn
2. Ông Huỳnh Hoàng Nam

- Thư ký phiên tòa: Bà Võ Thị Mỹ Nhan – Thư ký Tòa án nhân dân huyện Giồng Riềng, tỉnh Kiên Giang.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Giồng Riềng, tỉnh Kiên Giang tham gia phiên tòa: Không tham gia phiên tòa.

Ngày 15 tháng 3 năm 2023, tại trụ sở Toà án nhân dân huyện Giồng Riềng, tỉnh Kiên Giang xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số: 731/2022/TLST - HNGĐ ngày 05 tháng 12 năm 2022 về việc "Tranh chấp hôn nhân và gia đình - ly hôn, nuôi con chung" theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 37/2023/QĐXXST-HNGĐ ngày 13 tháng 02 năm 2023. Giữa:

1. Nguyên đơn: Chị Trần Cao Ngọc H, sinh năm: 1979; địa chỉ: ấp Vinh Đông, xã Ngọc Thuận, huyện Giồng Riềng, tỉnh Kiên Giang (có đơn xin vắng mặt)

2. Bị đơn: Anh Phạm Văn H, sinh năm: 1972; địa chỉ: ấp Vinh Đông, xã Ngọc Thuận, huyện Giồng Riềng, tỉnh Kiên Giang (có mặt)

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Tại đơn khởi kiện đề ngày 18/10/2022, quá trình giải quyết vụ kiện nguyên đơn Chị Trần Cao Ngọc H trình bày:

Chị và Anh Phạm Văn H tự tìm hiểu quen biết nhau, được cha mẹ hai bên đồng ý tổ chức lễ cưới vào năm 1999, có đăng ký kết hôn tại Ủy ban nhân dân xã Ngọc Chúc, huyện Giồng Riềng, tỉnh Kiên Giang.

Vợ chồng chung sống đến năm 2022 thì phát sinh mâu thuẫn, nguyên nhân là do vợ chồng không còn hòa hợp tánh tình, bất đồng quan điểm trong cuộc sống dẫn đến thường xuyên cự cải nhau làm mất dần tình cảm. Mặc dù đã nhiều lần cố gắng khắc phục hàn gắn tình cảm vợ chồng nhưng không có kết quả. Vợ chồng chung sống không còn hạnh phúc, không có tiếng nói chung nên năm 2022 chị và anh Hđã ly thân nhau.

Trong quá trình chung sống chị và anh Hcó hai con chung tên Phạm Trần Như Ý, sinh ngày 17/6/2000 và Phạm Trần Thanh Hiên, sinh ngày 16/02/2006,

hiện các con đang sống với anh Hội.

Về tài sản, nợ chung: Chị Hyêu cầu vợ chồng tự thỏa thuận, không yêu cầu giải quyết.

Nay chị Hkhởi kiện yêu cầu Tòa án giải quyết cho chị được ly hôn với anh Hội.

Về con chung: Chị Hyêu cầu giải quyết theo nguyện vọng của con, nếu con theo ai thì người đó có trách nhiệm nuôi dưỡng. Riêng cháu Ý đã trưởng thành chị Hkhông yêu cầu.

Về tài sản, nợ chung: Chị Hyêu cầu vợ chồng tự thỏa thuận, không yêu cầu giải quyết.

Tại bản tự khai ngày 17/02/2023 và tại phiên tòa bị đơn Anh Phạm Văn H trình bày:

Anh xác định lời trình bày của chị Hvề hôn nhân, con chung là đúng nhưng về mâu thuẫn giữa vợ chồng là không đúng.

Anh Hthừa nhận trong khi chung sống anh và chị Hcũng có khi không phù hợp tánh tình, bất đồng quan điểm dẫn đến cự cải với nhau nhưng chỉ là những mâu thuẫn nhỏ, khi chung sống anh không có lỗi gì với vợ con. Từ năm 2022 chị Htự bỏ đi và sống ly thân với anh cho đến nay. Anh và chị Hkhông có mâu thuẫn gì lớn để phải ly hôn, anh đã nhiều lần liên lạc để khuyên chị Hvề chung sống nhưng không được vì chị Hđã chặn điện thoại cũng như cắt mọi liên hệ không muốn gặp mặt nói chuyện với anh.

Nay chị Hkhởi kiện yêu cầu được ly hôn thì anh không cũng đồng ý vì anh còn thương chị Hân, anh yêu cầu được đoàn tụ để vợ chồng cùng nhau làm ăn chăm lo cho con.

Trường hợp chị Hcương quyết muốn ly hôn thì anh yêu cầu giải quyết:

Về con chung: Anh Hyêu cầu xem xét giải quyết theo nguyện vọng của con.

Về tài sản, nợ chung: Chị Hyêu cầu vợ chồng tự thỏa thuận anh cũng thống nhất.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án đã được thẩm tra tại phiên toà, Hội đồng xét xử nhận định:

[1] Về tố tụng:

Chị Hkhởi kiện yêu cầu được ly hôn, nuôi con chung với anh Hnên đây là tranh chấp hôn nhân và gia đình về ly hôn, nuôi con chung được quy định tại khoản 1 Điều 28 của Bộ luật Tố tụng dân sự. Anh Hlà bị đơn trong vụ án có nơi cư trú tại huyện Giồng Riềng nên theo quy định tại điểm a khoản 1 Điều 35, điểm a khoản 1 Điều 39 của Bộ luật Tố tụng Dân sự thì vụ án thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân huyện Giồng Riềng, tỉnh Kiên Giang.

Chị Hcó đơn xin xét xử vắng mặt nên Tòa án đưa vụ án ra xét xử vắng mặt chị Htheo quy định tại điểm a khoản 2 Điều 227 Bộ luật tố tụng dân sự.

[2] Về nội dung:

- Xét về hôn nhân: Chị Hvà anh H kết hôn vào năm 1999, có đăng ký kết hôn và được Ủy ban nhân dân xã Ngọc Chúc, huyện Giồng Riềng, tỉnh Kiên Giang

chứng nhận kết hôn nên hôn nhân của anh chị được xem là hợp pháp. Chị Hcho rằng vợ chồng chung sống không còn hạnh phúc do do vợ chồng không còn hòa hợp tánh tình, bất đồng quan điểm trong cuộc sống, không có tiếng nói chung dẫn đến thường xuyên cự cải nhau làm mất dần tình cảm nên đã sống ly thân nhau từ năm 2022. Tuy nhiên anh Hcó ý kiến trái với chị Hân, anh cho rằng vợ chồng có cự cải với nhau nhưng chỉ là những mâu thuẫn nhỏ, anh không có lỗi gì với vợ con, từ năm 2022 chị Htự bỏ đi và sống ly thân với anh cho đến nay. Anh và chị Hkhông có mâu thuẫn gì lớn để phải ly hôn, anh đã nhiều lần liên lạc để khuyên chị Hvề chung sống nhưng không được vì chị Hđã chặn điện thoại cũng như cắt mọi liên hệ không muốn gặp mặt nói chuyện với anh Nên nay chị Hyêu cầu ly hôn thì anh không đồng ý.

Xét thấy, chị Hvà anh Hcó ý kiến trình bày mâu thuẫn với nhau, tuy nhiên anh chị đều thừa nhận trong đời sống vợ chồng anh chị không có tiếng nói chung, dẫn đến cự cải với nhau cuộc sống không còn hạnh phúc. Xét thấy anh, chị đã không còn quan tâm chăm sóc lẫn nhau, ly thân nhau trong một khoảng thời gian dài mà không có biện pháp gì để hàn gắn tình cảm nên anh chị đã vi phạm nghiêm trọng quyền và nghĩa vụ vợ chồng. Hội đồng xét xử xét thấy quá trình chung sống giữa anh chị đã xảy ra nhiều mâu thuẫn kéo dài mà không thể tự hòa giải với nhau, đồng thời anh chị cũng đã nhiều lần khắc phục mâu thuẫn hàn gắn tình cảm vợ chồng nhưng không có kết quả. Nay chị Hcương quyết xin ly hôn chứ không đồng ý chung sống với anh Hnữa. Từ những cơ sở nhận định và phân tích trên cho thấy mâu thuẫn giữa chị Hvà anh Hđã đến mức trầm trọng, đời sống chung không thể kéo dài, mục đích xây dựng hôn nhân lâu dài bền vững không đạt được nếu tiếp tục chung sống sẽ không có hạnh phúc. Do đó, chị Hyêu cầu được ly hôn là có căn cứ, phù hợp với quy định tại khoản 1 Điều 56 Luật hôn nhân và gia đình, cần được chấp nhận.

- Về con chung: Chị Hvà anh Hxác định anh, chị có hai con chung là Phạm Trần Như Ý, sinh ngày 17/6/2000 và Phạm Trần Thanh Hiên, sinh ngày 16/02/2006. Trong quá trình giải quyết vụ kiện chị Hân, anh Hyêu cầu giải quyết theo nguyện vọng của con và không yêu cầu cấp dưỡng.

Hiện nay cháu Ý đã trưởng thành nên Hội đồng xét xử không xem xét. Riêng cháu Hiên thì tại bản tự khai cháu có nguyện vọng muốn được sống với anh Hội. Xét yêu cầu của anh Hvà nguyện vọng của cháu Hiên là phù hợp theo quy định tại khoản 2 Điều 81 Luật Hôn nhân và gia đình nên chấp nhận. Chị Hcó quyền tới lui, thăm non, chăm sóc, dạy dỗ con chung không ai có quyền cản trở.

- Về tài sản chung và nợ chung: Chị Hvà anh Hxác định tự thỏa thuận, không yêu cầu giải quyết.

[3] Về án phí: Áp dụng khoản 4 Điều 147 của Bộ luật Tố tụng dân sự; điểm a, khoản 5 Điều 27 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 qui định về mức thu, miễn, giảm, thu nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án

Án phí ly hôn sơ thẩm chị Hphải nộp là 300.000 đồng (ba trăm nghìn đồng) nhưng được khấu trừ vào số tiền tạm ứng án phí chị Hđã nộp là 300.000 đồng (ba trăm nghìn đồng) theo biên lai thu tiền tạm ứng án phí số 0003290 ngày 30/11/2022 của Chi Cục thi hành án dân sự huyện Giồng Riềng, tỉnh Kiên Giang.

Vì các lẽ trên;

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ vào khoản 1 Điều 28, khoản 1 Điều 35, điểm a khoản 1 Điều 39, khoản 4 Điều 147, điểm a khoản 2 Điều 227, khoản 1 Điều 228, điểm a khoản 1 Điều 238, Điều 266, Điều 271 và Điều 273 của Bộ luật tố tụng dân sự;

Điểm a, khoản 5 Điều 27 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 qui định về mức thu, miễn, giảm, thu nộp, quản lý và sử dụng án phí, lệ phí.

Căn cứ vào khoản 1 Điều 56, Điều 81, Điều 82 Luật hôn nhân và gia đình năm 2014; Tuyên xử:

1. Về quan hệ hôn nhân: Chấp nhận cho Chị Trần Cao Ngọc H được ly hôn với Anh Phạm Văn H.

2. Về con chung: Giao cháu Phạm Trần Thanh Hiên, sinh ngày 16/02/2006 cho Anh Phạm Văn H nuôi dưỡng cho đến khi trưởng thành (trừ trường hợp thay đổi quyền nuôi con theo quy định của pháp luật). Chị Trần Cao Ngọc H không phải cấp dưỡng nuôi con do anh Hkhông yêu cầu.

Chị Trần Cao Ngọc H có quyền đến thăm nom, chăm sóc dạy dỗ con chung không ai có quyền cản trở.

3. Về tài sản và nợ chung: Chị Trần Cao Ngọc H và Anh Phạm Văn H tự thỏa thuận, không yêu cầu Tòa án giải quyết.

4. Về án phí: Án phí ly hôn sơ thẩm Chị Trần Cao Ngọc H phải nộp là 300.000 đồng (ba trăm nghìn đồng) nhưng được khấu trừ vào số tiền tạm ứng án phí chị Hđã nộp là 300.000 đồng (ba trăm nghìn đồng) theo biên lai thu tiền tạm ứng án phí số 0003290 ngày 30/11/2022 của Chi Cục thi hành án dân sự huyện Giồng Riềng, tỉnh Kiên Giang.

Báo cho các bên đương sự biết có quyền kháng cáo bản án trong hạn luật định là 15 (mười lăm); anh Hđược tính kể từ ngày tuyên án (ngày 15/3/2023), chị Hđược tính kể từ ngày nhận được bản án hoặc được tống đạt hợp lệ.

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
Thẩm phán - Chủ toạ phiên toà

Nơi nhận:
- TAND tỉnh;
- VKSND huyện;
- Chi cục THA dân sự huyện;
- UBND xã;
- Các đương sự;
- Lưu.

Dương Văn Hôm